

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 1- CÀ MAU  
TỈNH CÀ MAU

Bản án số: 60/2025/HNGĐ-ST

Ngày 03 – 9 – 2025

V/v không công nhận vợ chồng

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phan Thị Thu.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Trương Ánh Hoa

Ông Huỳnh Hoàng khởi

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Tô Huyền Trang – *Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân khu vực 1- Cà Mau, tỉnh Cà Mau.*

Ngày 03 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1- Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 362/2025/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2025 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 194/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

**\* Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Minh Tr, sinh năm: 01/01/1984. Số CCCD Địa chỉ: ấp H, xã T, thành phố C, tỉnh Cà Mau. Nay là phường H, tỉnh Cà Mau (có mặt).

**\* Bị đơn:** Ông Lê Minh U, Sinh năm: 1981. Địa chỉ: ấp H, xã T, thành phố C, tỉnh Cà Mau. Nay là phường H, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện ngày 23/6/2025, bản tự khai, biên bản hòa giải và được bổ sung tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Minh Tr trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Lê Minh U chung sống từ 2002, có tổ chức cưới gả theo phong tục nhưng không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã dẫn đến xảy ra nhiều mâu thuẫn. Bà và ông U không còn chung sống từ năm 2022 đến nay. Bà Nguyễn Minh Tr yêu cầu ly hôn với ông Lê Minh U.

- Về con chung: Có 03 người con chung tên Lê Nguyễn Thành L, sinh ngày 04/10/2015, Lê Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 16/10/2009 và Lê Nguyễn Thùy D, sinh ngày 30/4/2007. Các con chung đang ở với ông U. Khi ly hôn, bà Tr yêu cầu tiếp tục nuôi con, yêu cầu ông U cấp dưỡng nuôi con Lê Nguyễn Thành L và Lê

Nguyễn Thành Đ mỗi người 2.000.000đ/tháng. Lê Nguyễn Thùy D đã trưởng thành, không yêu cầu cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý để thông báo về nội dung yêu cầu khởi kiện của bà Tr. Ông Lê Minh U không đến Tòa án theo triệu tập cũng không gửi văn bản ý kiến của ông đối với yêu cầu khởi kiện của bà Tr.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

[1] Bà Nguyễn Minh Tr và ông Lê Minh U chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2002, không đăng ký kết hôn. Bà Tr yêu cầu ly hôn với ông U. Quan hệ pháp luật mà các bên tranh chấp được xác định là không công nhận vợ chồng theo quy định tại Điều 53 của Luật hôn và nhân gia đình. Căn cứ vào quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Đối với ông Lê Minh U, Tòa án tổng đạt trực tiếp văn bản tố tụng để triệu tập ông U đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải đến lần thứ hai và triệu tập ông U để tham gia phiên tòa xét xử đến lần thứ hai nhưng ông U đều vắng mặt không rõ lý do. Nên Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án và Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông U theo quy định tại các Điều 207, 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Bà Tr và ông U chung sống như vợ chồng, có con chung nhưng không đăng ký kết hôn, nên hôn nhân của ông bà không hợp pháp không được pháp luật bảo vệ. Nay bà Tr yêu cầu ly hôn với ông U. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 9, khoản 2 điều 53 Luật hôn nhân gia đình, không công nhận mối quan hệ giữa bà Tr và ông U là vợ chồng.

[4] Về con chung: Bà Tr xác định có 03 người con chung tên Lê Nguyễn Thành L, sinh ngày 04/10/2015, Lê Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 16/10/2009 và Lê Nguyễn Thùy D, sinh ngày 30/4/2007. Các con chung đang sống cùng ông U. Khi ly hôn, bà Tr yêu cầu được quyền nuôi con, yêu cầu ông U cấp dưỡng nuôi con Lê Nguyễn Thành L và Lê Nguyễn Thành Đ, mỗi người con 2.000.000đ/tháng. Con chung Lê Nguyễn Thùy D đã trưởng thành, không yêu cầu xem xét trách nhiệm nuôi dưỡng. Ông U không có ý kiến phản đối, yêu cầu này phù hợp với nguyện vọng của con chung, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà Tr, giao con cho bà Trg trực tiếp nuôi dưỡng. Ông U là người không trực tiếp nuôi con nên phải có nghĩa vụ cấp dưỡng, mức cấp dưỡng 2.000.000đ/tháng cho mỗi người con như bà Tr yêu cầu phù hợp với quy định pháp luật nên chấp nhận.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Tr xác định không có, không yêu cầu xem xét giải quyết. Ông U không có ý kiến với yêu cầu của bà Tr. Đến nay không có cá nhân, tổ chức nào yêu cầu Tòa án giải quyết trách nhiệm trả nợ của bà Tr và ông U. Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Bà Tr phải chịu án phí hôn nhân gia đình.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 9, 14, 53, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Các Điều 28, 147, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận mối quan hệ của bà Nguyễn Minh Tr và ông Lê Minh U là vợ chồng.

Về con chung: Tiếp tục giao cả hai người con chung Lê Nguyễn Thành L, sinh ngày 04/10/2015 và Lê Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 16/10/2009 cho bà Nguyễn Minh Tr trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông Lê Minh U có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi Lê Nguyễn Thành L và Lê Nguyễn Thành Đ mỗi người con 2.000.000đ/tháng, từ khi bản án có hiệu lực cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

*Kể từ ngày người có quyền thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành xong khoản tiền cấp dưỡng nêu trên thì còn phải chịu lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.*

Con chung Lê Nguyễn Thùy D, sinh ngày 30/4/2007, đã trưởng thành. Hội đồng xét xử không xem xét trách nhiệm nuôi dưỡng con chung.

Ông Lê Minh U có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung và về nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) bà Nguyễn Minh Tr phải nộp. Ngày 23/6/2025 bà Nguyễn Minh Tr đã nộp tạm ứng số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số 0011075 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Cà Mau, nay là Phòng Thi hành án Dân sự Khu vực 1- Cà Mau được chuyển thu.

*Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Nguyên đơn, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Cà Mau
- VKSND KV1-Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ - án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ  
(đã ký)**

**Phan Thị Thu**